TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022.
V/v tranh chấp Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Tâm;

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 315/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 13/8/1986.

ĐKHKTT: Số 311, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 311, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Số 35/HT-07, Quyển số 01, ngày 02/5/2007. Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 22/5/2007 hiện đang sống với ông P và Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 25/10/2011 hiện đang sống với bà T. Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đã ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981.

- Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 25/10/2011 hiện đang sống với bà. Bà đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 22/5/2007 hiện đang sống với ông P cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng. Bà không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh P: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà P được ly hôn với ông P.

Về con chung: Do con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 25/10/2011 sống cùng với bà T từ khi vợ chồng ly thân vào cuối năm 2020 đến nay, ông P không có yêu cầu nuôi cháu T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu T1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu T1 và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội. Giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 22/5/2007 hiện đang sống với ông P cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, do bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung bà T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P nhưng ông P không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét

xử vắng mặt ông P theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông P có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2007, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Bà T và ông P đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 19/4/2022: thì nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do trước đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông P không có ý kiến gì về hôn nhân và con chung. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bỡi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 22/5/2007 hiện đang sống với bị đơn và Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 25/10/2011 hiện đang sống với nguyên đơn. Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung là cháu T1, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Đồng ý giao cháu S cho bị đơn nuôi dưỡng.

Xét thấy, con chung là cháu T1 đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn đối với cháu T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu T1. Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 22/5/2007 hiện đang sống với bị đơn cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc giao con chung (cháu T1) cho nguyên đơn và (cháu S) cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách tại công văn số 171/P.LĐTBXH ngày 09/5/2022. Do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Nguyễn Thanh P.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 25/10/2011 hiện đang sống với bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu. Giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 22/5/2007 hiện đang sống với ông Nguyễn Thanh P cho ông Nguyễn Thanh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, và ý kiến của Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Kế Sách. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị T không cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Do bà Nguyễn Thị T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Nguyễn Thị T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001412 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách không nộp thêm. Ông Nguyễn Thanh P không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- UBND TT A, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình